

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HSST
Ngày 19/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Oanh, ông Lê Phúc Tiếng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:** Ông Nguyễn Duy Cành - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 144/2018/HSST ngày 30/5/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/QĐXX ngày 08/6/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần M**; Tên gọi khác: Q; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1989; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đr, xã Đr, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Tiền án: 01 (Ngày 12/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tại bản án số: 47/2012/HSST). Ngày 26/02/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 48/2013/HSPT). Ngày 19/9/2014, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án tích (Trần M chưa chấp hành việc bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho người bị hại là bà Nguyễn Thị Tường V, theo bản án số 47 ngày 12/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện K); Tiền sự: Không; Con ông: Trần H, sinh năm: 1961, hiện trú tại: Thôn Đr, xã Đr, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Con bà: Phạm Thị N, sinh năm: 1964, hiện trú tại: Lào; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo chưa có vợ con.

Ngày 28/12/2017, có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/02/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo để tạm giam. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 06/4/2018, đến nay. (Bị cáo có mặt)

Bị hại: Dương Thị T – sinh năm 1982
Địa chỉ: 484/5 Tr, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm 1962.

Địa chỉ: 02/5 C, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người làm chứng: ông Đỗ Văn H1 – sinh năm 1982

Địa chỉ: 59 N, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần M bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tháng 12/2017, Trần M thuê phòng trọ tại 02/5 Cao Đạt, phường Tân lập, thành phố B, để cư trú nhưng không có tiền để tiêu xài và trả tiền thuê phòng trọ. Do đó, M nảy sinh ý định đi vào Bệnh viện Đa khoa Đắk Lắk, địa chỉ: 02 Mai Hắc Đế, phường Tân Thành, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, với mục đích phát hiện có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì chiếm đoạt để có tiền tiêu xài. Vào khoảng 4^h30’ ngày 28/12/2017, M đi bộ vào Khoa chấn thương chỉnh hình thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Khi ngồi ở khu vực hành lang của khoa Chấn thương chỉnh hình, M phát hiện chị Dương Thị T, sinh năm: 1982, HKTT: 59 N, phường T1, thành phố B, có chiếc điện thoại di động Sony Xperia F3116, màu trắng, ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ “Nike”, M nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này của chị T. M nghĩ ra phương thức tiếp cận làm quen chị T tạo niềm tin rồi giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của chị T để chiếm đoạt và tẩu thoát. Để thực hiện ý định trên, M lại gần tiếp cận nói chuyện làm quen với chị T. Lúc này, M thấy một phụ nữ bán cà phê dạo đi qua thì hỏi chị T “Chị uống cà phê không”, chị T nói “Không”. M nói “Chị cho em mượn mười nghìn đồng, em mua cà phê uống xiu em lấy tiền từ vợ trả cho chị”, chị T tin tưởng cho M mượn 10.000 đồng mua cà phê uống. Sau đó, M vừa uống cà phê vừa tự nói một mình “Giờ này sao chưa đến, nói đi từ đêm hôm qua mà”, cố tình để chị T nghe. Sau đó M nói “Chị cho em mượn chiếc điện thoại di động em gọi cho mẹ em đi đến đâu rồi”. Chị T tưởng thật nên đưa chiếc điện thoại di động Sony Xperia F3116, màu trắng cho M mượn, M giả vờ bấm số rồi đưa chiếc điện thoại lên tai nói lớn “Mẹ đến đâu rồi, mẹ vào chưa”. Lúc này quan sát thấy chưa có cơ hội chiếm đoạt chiếc điện thoại để tẩu thoát thì M trả lại cho chị T. Sau đó, chồng chị T là anh Đỗ Văn H1, sinh năm: 1982, vừa được bác sỹ mổ tay xong đi ra ngồi cạnh chị T. Lúc này, M lại nói với chị T “Chị cho em mượn điện thoại em gọi cho mẹ em xem đi đến đâu rồi để em hỏi vợ em ăn gì nói mua luôn”. Chị T tiếp tục đưa chiếc điện thoại Sony Xperia F3116 cho M mượn. M cầm điện thoại giả vờ bấm và đưa lên tai nói lớn “Mẹ đi đến đâu, sao giờ mới đi”, M vừa nói vừa đi ra hướng cổng phụ của khoa rồi bỏ đi khỏi bệnh viện và chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị T. Thấy vậy, chị T đuổi theo nhưng không kịp. M đưa chiếc điện thoại di động Sony Xperia F3116 về cầm cho bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1962, là chủ nhà trọ 02/5 C, phường T, thành phố B, với giá 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) để cân trừ nợ tiền thuê phòng. Ngày 31/12/2017, hành vi chiếm đoạt tài sản của Trần M bị phát hiện, bà Nguyễn Thị Ngọc H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại Sony Xperia F3116 màu trắng, là vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để điều tra xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG, ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3116, màu trắng, ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ “Nike”; trị giá: 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

Tại bản cáo trạng số 157/KSĐT-HS ngày 29/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần M về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p, g khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận ngày 29/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Dương Thị T nhận sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3116, màu trắng, ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ “Nike” là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị T.

Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H, là người đã cầm cố chiếc điện thoại di động Sony Xperia F3116 từ Trần M để cầm trả nợ tiền thuê phòng, nhưng bà H không biết đây là tài sản do bị cáo Trần M phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần M tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người biết sự việc và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 4^h30’ ngày 28/12/2017 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, Trần M có hành vi gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Sony Xperia F3116 của chị Dương Thị T trị giá 2.400.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo Trần M đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, bị cáo biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị. Bản thân bị cáo có tiền án, chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p,g khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận ngày 29/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Dương Thị T nhận sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3116, màu trắng, ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ “Nike” là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị T.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Trần M(Q) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Trần M (Q) 01(một) năm 03 (ba) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày bắt ngày 06/4/2018

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003

Chấp nhận ngày 29/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Dương Thị T nhận sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3116, màu

trắng, ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ “Nike” là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị T.

Về án hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần M (Q) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT ;
- TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP, THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Vụ kiểm tra 1 ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Anh Tuấn